TÒA ÁN NHÂN DÂN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2018/DS-ST
Ngày: 27/9/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Long

2/ Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên

Trong ngày 27/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2018/TLST-DS ngày 04/4/2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 546/QĐDS-ST ngày 20/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 592/QĐST - DS ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Trường T, giấy uỷ quyền ngày 28/12/2017 (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Hữu Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Trường T trình bày: Vào ngày 05/4/2011 Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Hữu Q có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thẻ Visa số 472074-4846 có thời hạn sử dụng là 03 năm, hạn mức tín dụng là 10.000.000đ, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng. Đến ngày 07/7/2012, ông Q tiếp tục ký với Ngân hàng thêm 01 thẻ tín dụng famini số 970403-4303 có thời hạn sử dụng là 03 năm, hạn mức tín dụng là 10.000.000đ, lãi suất trong hạn là 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng. Thực hiện hợp đồng ông Q đã giao dịch (rút tiền và mua hàng hóa) tổng số tiền 29.617.881 đồng và đã thanh toán tổng cộng

số tiền 32.588.518 đồng. Từ ngày 15/10/2014 đến nay ông Q không thanh toán cho ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng đã nhắc nhở ông Q nhiều lần nhưng ông Q không trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả nợ tính đến ngày 27/9/2018 với tổng số tiền là 30.602.826 đồng (bao gồm tiền gốc là 11.944.564 đồng, tiền lãi quá hạn là 18.658.262 đồng).

Bị đơn ông Trần Hữu Q từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 4 đã tiến hành triệu tập ông Q đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A nhưng ông Q không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng ông Q vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 4 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Hữu Q có địa chỉ địa chỉ cuối cùng tại Đường D, Phường E, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần A là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận 4, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đền ngày 28/12/2017 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho ông Phạm Trường T tham gia tố tụng tại Tòa án theo Giấy ủy quyền ngày 28/12/2017 là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Hữu Q sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để trình bày lời khai, hòa giải, đối chất và lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do ông Q vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Trần Hữu Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký kết ngày 05/4/2011 và ngày 07/7/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông Trần Hữu Q có cơ sở để xác nhận giữa Ngân hàng và ông Q đã phát sinh quan hệ giao dịch vay tài sản. Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số Visa số 472074-4846 và thẻ tín dụng famini số 970403-4303. Ông Q đã thực hiện nhiều lần rút tiền mặt với số tiền 29.617.881 đồng và đã thanh toán tổng cộng số tiền 32.588.518 đồng. Từ ngày 15/10/2014 cho đến nay ông Q không thanh toán tiếp số tiền còn lại cho Ngân hàng, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp giữa Ngân hàng đối với ông Q.

Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông Q sử dụng các thẻ tín dụng để giao dịch rút tiền mặt với số tiền là 29.617.881 đồng và đã thanh toán tổng cộng số tiền 32.588.518 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào các ngày 05/4/2011 và ngày 07/7/2012. Sau khi trừ các khoản phí và lãi quá hạn, Ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán số nợ gốc 11.944.564 đồng là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Về khoản tiền lãi và phí: Xét Ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền lãi và phí cho cả hai Hợp đồng là 18.658.262 đồng là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.991.553 đồng ông Trần Hữu Q phải chịu;

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Trần Hữu Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 30.602.826 ồng (bao gồm tiền gốc là 11.944.564 đồng, tiền lãi quá hạn là 18.658.262 đồng), thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Hữu Q phải chịu 1.530.141 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn một trăm bốn mươi mốt đồng);

- Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 680.000 đồng, theo biên lai thu số số 0008803 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.4; (1)
- CC.THADS Q. 4; (1)
- Hai bên đ/sư; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Thăng